

Bản Thông Tin An Toàn

MỤC 1: Nhận diện

Định danh sản phẩm**Tên Vật Liệu**

IJ Primer PR-100

Mô Tả Sản Phẩm

PR100-Z-BA / SPC-0731 / SPC-0732

Công dụng của sản phẩm

Mực Lót làm Khô bằng tia UV của IJ mực

Các Hạn Chế về việc Sử Dụng

Sử dụng theo đề nghị của nhà cung cấp.

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất

Mimaki Engineering Co., Ltd

2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano 389-0512 Japan

Điện thoại: +81-268-64-2413

Số điện thoại khẩn cấp

+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)

+65 3158 1074

MỤC 2: Thành Phần

CAS	Tên thành phần	Phần Trăm
Bí mật Thương mại	Este của axit acryl A	40-50
Bí mật Thương mại	Este của axit acryl B	30-40
Bí mật Thương mại	Chất khởi đầu	5-15
Bí mật Thương mại	Este của axit acryl C	5-10
Bí mật Thương mại	Chất phụ gia	0.1-1

Tạp chất và phụ gia ổn định góp phần vào Phân Loại GHS

Không có

MỤC 3: Nhận diện nguy cơ

Phân Loại theo GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Độc Tính Cấp Tính - Qua Miệng - Nhóm 5 (45% chưa biết)

Ăn Mòn/Kích Ứng Da - Nhóm 2

Tổn Thương Mất Nghiêm Trọng/Kích Ứng Mạnh cho Mắt - Nhóm 2A

Gây Mẩn Cầm Da - Nhóm 1

Độc Tính Sinh Sản - Nhóm 2

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần - Nhóm 3

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều Lần - Nhóm 1 (hệ thần kinh trung ương , máu , hệ hô hấp , tuyến giáp)

Nguy hại cho Môi Trường Thủy Sinh - Cấp Tính - Nhóm 1

Nguy hại cho Môi Trường Thủy Sinh - Mãn Tính - Nhóm 1

Các thành phần của nhãn

Bản Thông Tin An Toàn

Ký hiệu nguy cơ



Từ Cảnh Báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

Có thể có hại nếu nuốt phải.

Gây kích ứng da.

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây dị ứng da.

Nghi ngờ gây tổn hại cho khả năng sinh sản hoặc cho thai nhi.

Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

Gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

Rất độc cho thủy sinh với tác dụng lâu dài.

Biện pháp phòng ngừa

Phòng ngừa

Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng.

Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp để phòng an toàn.

Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt.

Sử dụng Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân theo yêu cầu.

Sử dụng găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt.

Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.

Rửa cẩn thận sau khi thao tác.

Không được mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Tránh phóng thích ra môi trường.

Ứng cứu

NẾU bị tiếp xúc hoặc lo ngại: Tìm trợ giúp/chăm sóc y tế.

NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để nghỉ ngơi trong tư thế dễ hít thở.

NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa mắt kỹ với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm trợ giúp/chăm sóc y tế.

NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.

Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mẩn trên da: Tìm trợ giúp/chăm sóc y tế.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt trước khi sử dụng lại.

Tìm kiếm trợ giúp/chăm sóc y tế nếu bạn thấy khó chịu.

Thu gom lượng tràn đổ.

Cất giữ

Bảo quản ở nơi thoáng khí. Giữ dụng cụ chứa thật kín.

Bảo quản bằng cách khóa chặt.

Thải bỏ

Vứt bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ chứa theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

(Các) công bố về Độc Tính Cấp Tính Chưa Được Biết

qua miệng 45% của hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính cấp tính chưa biết.

Báo Cáo về Nhiễm Độc Thủy Sản Chưa Rõ

46% của hỗn hợp bao gồm các thành phần của nhiễm độc thủy sản cấp tính không rõ.

Bản Thông Tin An Toàn

46% của hỗn hợp bao gồm các thành phần của nhiễm độc thủy sản mãn tính không rõ.

Tác Dụng Có Thể Gặp Với Môi Trường

Rất độc cho thủy sinh với tác dụng lâu dài.

Các Nguy Cơ Khác Không Dẫn Đến Phải Phân Loại

Chưa biết.

MỤC 4: Các biện pháp sơ cứu

Mô tả các Biện Pháp Cần Thiết

Hít phải

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Làm hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân không thở được.

Liên hệ TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Tiếp xúc với da

Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mẩn trên da: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc. Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại..

Tiếp xúc với mắt

Rửa mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Nếu tình trạng kích ứng hoặc đau không giảm sau 15 phút kể từ khi rửa mắt, tìm y tế chăm sóc.

Ăn phải

Nếu nuốt phải, tìm y tế chăm sóc. Nếu bị nôn ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh bị hít phải chất nôn.

Các Triệu Chứng/Tác Dụng Quan Trọng Nhất

Triệu chứng: Tức Thở

Có thể có hại nếu nuốt phải, kích ứng da, kích ứng mắt, dị ứng da, kích ứng đường hô hấp

Triệu chứng: Chạm Xảy Ra

dị ứng da, các tác dụng trên sinh sản, tổn thương hệ thần kinh trung ương, rối loạn về máu, tổn thương hệ hô hấp, các tác dụng trên tuyến giáp

Dấu hiệu cần thiết phải được bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

MỤC 5: Các biện pháp chữa cháy

Chất chữa cháy phù hợp

cacbon dioxyt, bột khô thông thường, hóa chất khô thông thường, nước xịt, bọt chịu alcol

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp

Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao.

Nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Các khói và khí gây kích ứng có thể được phóng thích khi xử lý nhiệt hoặc trong khi cháy.

Trang Bị Bảo Hộ Và Biện Pháp Đề Phòng Cho Nhân Viên Chữa Cháy

Sử dụng trang phục bảo hộ chữa cháy đầy đủ kể cả thiết bị thở độc lập (SCBA) để bảo vệ chống khả năng bị tiếp xúc.

Các Biện Pháp Chữa Cháy

Đưa thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không gặp nguy hiểm. Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao. Làm nguội dụng cụ đựng bằng nước cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc.

Tránh xa các đầu của bồn chứa. Tránh hít phải vật liệu hoặc các sản phẩm phụ của quá trình cháy.

Cháy

oxyt của cacbon

MỤC 6: Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cho người, trang bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp

Sử dụng quần áo và trang bị bảo hộ cá nhân, xem mục 8.

Bản Thông Tin An Toàn

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Tránh phóng thích ra môi trường.

Các Phương Pháp Ngăn Chặn

Loại bỏ mọi nguồn lửa nếu an toàn. Ngăn chặn rò rỉ nếu có thể làm được mà không bị nguy hiểm cho người. Làm giảm bớt hơi bằng cách xịt nước.

Các Phương Pháp Làm Sạch

Lượng tràn đổ nhỏ: Dùng cát hoặc vật liệu không cháy khác để thấm hút. Thu gom vật liệu bị tràn đổ vào dụng cụ đựng phù hợp để thải bỏ. Lượng tràn đổ lớn: Ngăn chặn thu gom để thải bỏ sau này. Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp.

MỤC 7: Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng cho an toàn. Không hít hơi hoặc sương. Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Sử dụng găng tay/trang phục và kính mắt/kính che mặt bảo hộ. Rửa cẩn thận sau khi thao tác. Không được mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Bảo quản ở nơi thoáng khí. Giữ dụng cụ chứa thật kín.

Bảo quản bằng cách khóa chặt.

Bảo quản và xử lý theo tất cả các quy định và tiêu chuẩn hiện hành. Giữ cách ly khỏi các chất tương kỵ.

Các Vật Liệu Tương Kỵ

vật liệu oxy hóa, axit, kiềm, peoxit

MỤC 8: Kiểm soát tiếp xúc/bảo vệ cá nhân

Hướng Dẫn Về Tiếp Xúc

Giới Hạn Tiếp Xúc Của Thành Phần

ACGIH, NIOSH, OSHA, AIHA, và Việt Nam chưa xây dựng được giới hạn tiếp xúc cho bất kỳ thành phần nào của sản phẩm này.

ACGIH – Ngưỡng Giá Trị Giới Hạn – Chỉ Số Tiếp Xúc Sinh Học (BEI)

Không có giá trị giới hạn sinh học nào cho bất kỳ thành phần nào của sản phẩm này.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Cung cấp phương tiện hút thoát khí tại chỗ hoặc hệ thống thông khí cho buồng kín của quy trình làm việc. Bảo đảm tuân thủ các giới hạn tiếp xúc hiện hành.

TRANG BỊ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Phương tiện bảo vệ mắt/mặt

Đeo kính an toàn chống văng bắn có bộ phận che mặt.

Trang Phục Bảo Hộ

Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp.

Các đề nghị về găng tay

Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

Vật Liệu Bảo Vệ

Cung cấp điểm rửa mắt khẩn cấp và tắm ướt nhanh ngay cạnh khu vực làm việc.

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tham khảo ý kiến của người có chuyên môn về sức khỏe và an toàn để được biết các thiết bị thở phù hợp với việc sử dụng của quý vị.

MỤC 9: Các tính chất vật lý và hóa học

Bản Thông Tin An Toàn

Ngoại quan	Vàng nhạt trong suốt dạng lỏng	Trạng Thái Vật Lý	dạng lỏng
Mùi	mu ì đặc trưng	Màu	Vàng nhạt , trong suốt
Ngưỡng Phát Hiện Mùi	Không có	pH	Không có
Điểm Chảy	Không có	Điểm Sôi	Không có
Vùng Nhiệt Độ Sôi	Không có	Điểm đông	Không có
Tốc Độ Bay Hơi	Không có	Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có
Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy	Không có	Điểm Chớp Cháy	>93 °C
Giới Hạn Nổ Dưới	Không có	Nhiệt Độ Phân Hủy	Không có
Giới Hạn Nổ Trên	Không có	Áp Suất Hơi	Không có
Tỷ Khối Hơi (không khí = 1)	Không có	Trọng lượng riêng (nước = 1)	1.03 (25 °C)
Độ Tan Trong Nước	Không có	Hệ Số Phân Tách: n-octanol/nước	Không có
Độ Nhớt	19 ±3 mPa • s (25 °C)	Độ nhớt động học	Không có
Độ tan (trong các chất khác)	Không có	Tỷ trọng	Không có
Dạng Vật Lý	dạng lỏng	Trọng Lượng Phân Tử	Không có

MỤC 10: Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng

Dự kiến sẽ không có hiểm họa do khả năng phản ứng.

Độ bền hóa học

Bền trong các điều kiện sử dụng bình thường.

Khả năng gây phản ứng nguy hiểm

Sẽ không polyme hóa.

Các điều kiện cần tránh

Tránh ngọn lửa, tia lửa và các nguồn lửa khác. Tránh tiếp xúc với vật liệu tương kỵ.

Vật Liệu Cần Tránh (Vật Liệu Tương Kỵ)

vật liệu oxy hóa, axit, kiềm, peoxit

Các sản phẩm phân hủy nguy hại

oxyt của cacbon

MỤC 11: Thông tin về độc tính

Phân Tích Thành Phần - LD50/LC50

Bản Thông Tin An Toàn

Các thành phần của vật liệu này đã được kiểm tra lại ở nhiều nguồn khác nhau và các tiêu chí đánh giá sau đây đã được công bố:

Este của axit acryl A (Bí mật Thương mại)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 4890 mg/kg

Este của axit acryl C (Bí mật Thương mại)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 4435 mg/kg

LD50 (liều bán tử) qua da thỏ 7522 mg/kg

Giá Trị Ước Tính Độ Độc Cấp Tính

qua da	> 5000 mg/kg
qua miệng	4843.8 mg/kg

Các Tác Dụng Tức Thời

Có thể có hại nếu nuốt phải, kích ứng da, kích ứng mắt, dị ứng da, kích ứng đường hô hấp

Các Tác Dụng Chậm Xảy Ra

dị ứng da, các tác dụng trên sinh sản, tổn thương hệ thần kinh trung ương, rối loạn về máu, tổn thương hệ hô hấp, các tác dụng trên tuyến giáp

Dữ liệu về Khả năng Kích ứng/Ăn mòn

kích ứng mắt

Tổn Thương/Kích Ứng Mắt Nghiêm Trọng

kích ứng

Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp

Không có thông tin về sản phẩm.

Gây mẫn cảm da

Có thể gây dị ứng da.

Khả năng gây ung thư

Khả Năng Gây Ung Thư Của Thành Phần

Este của axit acryl C	Bí mật Thương mại
IARC:	Chuyên khảo 60 [1994] (Nhóm 3 (không thể phân loại))

Dữ liệu về Gây Độc Biến Gian

Không có thông tin về sản phẩm.

Dữ Liệu Về Các Tác Dụng Trên Sinh Sản

Dữ liệu hiện có mô tả các thành phần của sản phẩm này là nguy cơ cho sinh sản.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần

đường hô hấp

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều Lần

hệ thần kinh trung ương, máu, hệ hô hấp, tuyến giáp

Nguy cơ sắc vào phổi

Không được xem là hiểm họa hít phải.

Các Bệnh Sẽ Nặng Thêm khi Tiếp Xúc

Không có thông tin về sản phẩm.

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái

Rất độc cho thủy sinh với tác dụng lâu dài.

Độc Tính Cho Môi Trường Nước

Este của	Bí mật Thương mại
----------	-------------------

Bản Thông Tin An Toàn

axit acryl C	
Tảo:	EC50 (nồng độ tác dụng 50%) 72 h Tảo desmodesmus subspicatus 44 mg/L Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất (IUCLID) ; EC50 (nồng độ tác dụng 50%) 96 h Tảo desmodesmus subspicatus 47 mg/L Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất (IUCLID)
Động vật không xương sống:	EC50 (nồng độ tác dụng 50%) 48 h Daphnia magna 17.45 mg/L Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất (IUCLID)

Độ bền

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng tích tụ sinh học

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng di chuyển trong Chất Mạng Của Môi Trường

Không có thông tin về sản phẩm.

Các tác dụng có hại khác

Không có thông tin thêm.

MỤC 13: Xem xét về việc thải bỏ

Các Phương Pháp Thải Bỏ

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành..

Thải bỏ bao bì đã bị nhiễm

Các dụng cụ đựng đã cặn có thể còn chứa cặn sản phẩm. Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành..

MỤC 14: Thông tin về vận chuyển

Thông tin về IATA:

Tên vận chuyển: Chất Độc Hại Tới Môi Trường, Lỏng, Không Được Chỉ Rõ , (CHUẢ: Este của axit acryl)

Nhóm Hiểm Họa: 9

UN#: UN3082

Nhóm Đóng Gói: III

(Các) Nhãn Cần Có: 9

Điều khoản đặc biệt : A197 *1

Thông tin về ICAO:

Tên vận chuyển: Chất Độc Hại Tới Môi Trường, Lỏng, Không Được Chỉ Rõ , (CHUẢ: Este của axit acryl)

Nhóm Hiểm Họa: 9

UN#: UN3082

Nhóm Đóng Gói: III

(Các) Nhãn Cần Có: 9

Thông tin về ADR:

Tên vận chuyển: Chất Độc Hại Tới Môi Trường, Lỏng, Không Được Chỉ Rõ , (CHUẢ: Este của axit acryl)

Nhóm Hiểm Họa: 9

UN#: UN3082

Nhóm Đóng Gói: III

(Các) Nhãn Cần Có: 9

Bản Thông Tin An Toàn

Điều khoản đặc biệt : 375 *1

Thông tin về IMDG:

Tên vận chuyển: Chất Độc Hại Tới Môi Trường, Lỏng, Không Được Chỉ Rõ , (CHUẨN: Este của axit acrylic)

Nhóm Hiểm Họa: 9

UN#: UN3082

Nhóm Đóng Gói: III

(Các) Nhãn Cần Có: 9

Điều khoản đặc biệt : 2.10.2.7 *1

Các Thành Phần Là Chất Ô Nhiễm Biển (IMDG)

Không là chất gây ô nhiễm biển.

Mã Quốc Tế của Hóa Chất Khối Lượng Lớn

Vật liệu này có chứa một hoặc nhiều hóa chất sau đây mà Bộ luật quốc tế về cấu trúc và thiết bị của tàu vận chuyển xô hóa chất nguy hiểm (IBC Code) yêu cầu phải được xem là hóa chất nguy hiểm vận chuyển xô.

Este của axit acrylic C	Bí mật Thương mại
Bộ luật quốc tế về cấu trúc và thiết bị của tàu vận chuyển xô hóa chất nguy hiểm:	Loại Y

Các biện pháp đề phòng đặc biệt

Không có thông tin về sản phẩm.

*1 Kịch bản đơn hoặc đóng gói có khối lượng tịnh nhỏ hơn 5 L (đối với chất lỏng) hoặc 5 kg (đối với chất rắn) đều không thuộc đối tượng của Quy định về Hàng hóa Nguy hiểm - Tham khảo UN Special Provision (Điều khoản đặc biệt của LHQ).

MỤC 15: Đặc Điểm Kỹ Thuật và Quy Định Pháp Lý cần Tuân Thủ

Các Quy Định của Việt Nam

Danh Mục

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Luật Hóa Chất - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện.

Luật Hóa Chất - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế.

Luật Hóa Chất - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo.

Bản Thông Tin An Toàn

Luật Hóa Chất - Phụ lục VI - Hóa Chất Độc

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục VI - Hóa Chất Độc.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục VII - Hóa Chất Nguy Hại Cần Xây Dựng Các Biện Pháp Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ Lục VII - Hóa Chất Nguy Hại Cần Xây Dựng Các Biện Pháp Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu.

Các Hóa Chất Bị Cấm Nhập và Xuất Khẩu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Cấm Nhập Khẩu và Xuất Khẩu.

Hàng Công Nghiệp Nguy Hiểm Cần Kế Hoạch Ứng Cứu Khẩn Cấp

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hàng Công Nghiệp Nguy Hiểm Cần Kế Hoạch Ứng Cứu Khẩn Cấp của Việt Nam.

Các Hóa Chất Nguy Hại Cần Đăng Ký Sử Dụng trong Lĩnh Vực Công Nghiệp

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Nguy Hại Cần Đăng Ký Sử Dụng trong Lĩnh Vực Công Nghiệp của Việt Nam.

Các Hóa Chất Công Nghiệp Thuộc Loại Sản Xuất và Kinh Doanh có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Công Nghiệp Thuộc Loại Sản Xuất và Kinh Doanh có Điều Kiện của Việt Nam.

Các Chất Tiêu Hủy Tầng ozon Cần Giấy Phép và Hạn Ngạch Nhập Khẩu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon Cần Giấy Phép Nhập Khẩu và Hạn Ngạch Nhập Khẩu của Việt Nam.

Hóa Chất Độc Được Phép Nhập và Xuất Khẩu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Độc Được Phép Nhập Khẩu và Xuất Khẩu của Việt Nam.

Phân Tích Thành Phần - Danh Mục

Este của axit acryl A (Bí mật Thương mại)

Ho a Kỳ	Canad a	EU	Úc	pH	JP - ENC S	JP - ISH L	KR KEC I - Phụ Lục 1	KR KECI - Phụ Lục 2	Hàn Quốc - REACH Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) và CCA (Đạo Luật Kiểm Soát Hóa Chất)	Trun g Quốc	New Zealan d	MX	T W
CÓ	Danh Mục Hóa	EI N	C Ó	C Ó	CÓ	CÓ	CÓ	KHÔNG	KHÔNG	CÓ	CÓ	KHÔNG	CÓ

Bản Thông Tin An Toàn

	Chất Nội Địa (DSL)												
--	-----------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Este của axit acryl B (Bí mật Thương mại)

Ho a Kỳ	Canad a	EU	Úc	pH	JP - ENC S	JP - ISHL	KR KEC I - Phụ Lục 1	KR KECI - Phụ Lục 2	Hàn Quốc - REAC H Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) và CCA (Đạo Luật Kiểm Soát Hóa Chất)	Trun g Quố c	New Zealan d	MX	T W
CÓ	NSL	EI N	C Ó	KHÔNG	CÓ	KHÔNG	CÓ	KHÔNG	KHÔNG	CÓ	CÓ	KHÔNG	C Ó

Chất khởi đầu (Bí mật Thương mại)

Hoa Kỳ	Canada	EU	Úc	pH	JP - ENC S	JP - ISHL	KR KECI - Phụ Lục 1	KR KECI - Phụ Lục 2	Hàn Quốc - REACH Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) và CCA (Đạo Luật Kiểm Soát Hóa Chất)	Trung Quốc	New Zealand	MX	TW
-----------	--------	----	----	----	------------------	--------------	------------------------------	------------------------------	---	---------------	----------------	----	----

Bản Thông Tin An Toàn

CÓ	Danh Mục Hóa Chất Nội Địa (DSL)	EIN	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	KHÔNG	KHÔNG	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ
----	---------------------------------	-----	----	----	----	----	----	-------	-------	----	----	----	----

Este của axit acryl C (Bí mật Thương mại)

Ho a Kỳ	Canad a	EU	Úc	pH	JP - ENC S	JP - ISHL	KR KEC I - Phụ Lục 1	KR KECI - Phụ Lục 2	Hàn Quốc - REACH Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) và CCA (Đạo Luật Kiểm Soát Hóa Chất)	Trun g Quốc	New Zealan d	M X	T W
CÓ	Danh Mục Hóa Chất Nội Địa (DSL)	EI N	C Ó	C Ó	CÓ	KHÔNG	CÓ	KHÔNG	KHÔNG	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

Chất phụ gia (Bí mật Thương mại)

Hoa Kỳ	Cana da	EU	Úc	pH	JP - ENC S	JP - ISHL	KR KECI - Phụ Lục 1	KR KECI - Phụ Lục 2	Hàn Quốc - REA CH Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp	Trun g Quốc	New Zeala nd	MX	TW
-----------	------------	----	----	----	------------------	--------------	------------------------------	------------------------------	---	-------------------	--------------------	----	----

Bản Thông Tin An Toàn

									Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) và CCA (Đạo Luật Kiểm Soát Hóa Chất)				
KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG	KHÔ NG

MỤC 16: Thông tin khác

Chú Dẫn/Chú Giải

ACGIH - Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ; ADR - Quy Định về Vận Chuyển Đường Bộ Châu Âu; AU - Úc; BOD - Nhu Cầu Oxy Sinh Hóa; C - Celsius; CA - Canada; CA/MA/MN/NJ/PA - California/Massachusetts/Minnesota/New Jersey/Pennsylvania*; CAS - Dịch Vụ Thông Tin Hóa Chất Tóm Tắt; CERCLA (Đạo Luật Tổng Quát về Ứng Cứu, Bồi Thường, và Trách Nhiệm Môi Trường; CFR - Bộ Luật Dựa Trên Các Quy Định Của Liên Bang (Hoa Kỳ); CLP - Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói; CN - Trung Quốc; CPR - Quy Định về các Sản Phẩm Cần Kiểm Soát; DFG - Quỹ Tài Trợ Nghiên Cứu của Đức Quốc; DOT (Bộ Giao Thông Vận Tải; DSD - Hướng Dẫn về Chất Nguy Hiểm; DSL - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa; EC - Ủy Ban Châu Âu; EEC - Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu; EIN - Danh mục của Châu Âu về (Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành); EINECS - Danh mục Hóa Chất Hiện Hành của châu Âu; ENCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản; EPA - Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường; EU - Liên Hiệp Châu Âu; F - Fahrenheit; IARC - Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế; IATA - Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế; ICAO - Hiệp Hội Hàng Không Dân Sự Quốc Tế; IDL - Danh Sách Các Thành Phần Công Bố; IDLH - Nguy Hiểm Tức Thời cho Cuộc Sống và Sức Khỏe; IMDG - Quy Định Quốc Tế Về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Nguy Hiểm; ISHL - Luật An Toàn và Sức Khỏe Công Nghiệp của Nhật Bản; IUCLID: Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất; JP - Nhật Bản; Kow - Hệ số phân tách octanol/nước; KECI - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Hàn Quốc; KR KECI Annex 1 - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành tại Hàn Quốc (KECI)/ Danh Sách Hóa Chất Hiện Hành tại Hàn Quốc (KECL) - Phụ Lục 1 ; KR KECI Annex 2 - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành tại Hàn Quốc (KECI)/ Danh Sách Hóa Chất Hiện Hành tại Hàn Quốc (KECL) - Phụ Lục 2 ; KR - Hàn Quốc; LD50/LC50 - Liều Tử Vong/ Nồng Độ Tử Vong; LD50/LC50 - Liều Tử Vong/ Nồng Độ Tử Vong; LEL - Giới Hạn Nổ Dưới; LLV - Trị Số Giới Hạn của Nồng Độ; LOLI - Danh Sách các Danh Sách™ - Cơ Sở Dữ Liệu Quy Định của ChemADVISOR; MAK - Giá Trị Nồng Độ Tối Đa tại Nơi Làm Việc; MEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Tối Đa; MX - Mexico; NDSL - Danh Mục Hóa Chất Ngoài Danh Mục Hóa Chất Nội Địa (Canada); NFPA - Hội Phòng Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia; NIOSH - Viện Quốc Gia về An Toàn Lao Động và Bệnh Nghề Nghiệp; NJTSR - Cơ Sở Dữ Liệu Bí Mật Thương Mại của New Jersey; NTP - Chương Trình Chất Độc Quốc Gia; NZ - New Zealand; OSHA - Cơ Quan Quản Lý An Toàn Lao Động và Sức Khỏe Nghề Nghiệp; PEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Cho Phép; PH - Philippin; RCRA - Đạo Luật Bảo Tồn & Khôi Phục Tài Nguyên; REACH - Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế Hóa Chất; RID - Quy Định về Vận Chuyển Đường Sắt tại Châu Âu; SARA - Đạo Luật Sửa Đổi và Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát

Bản Thông Tin An Toàn

Tán Chất Độc Quốc Gia; STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn; CCA - Luật Kiểm Soát Hóa Chất Độc của Hàn Quốc;; TDG - Quy Định về Vận Chuyển Hàng nguy hiểm; TLV - Giá Trị Giới Hạn Ngưỡng; TSCA - Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc; TW - Đài Loan; TWA - Nồng Độ Bình Quân Theo Thời Gian; UEL - Giới Hạn Nổ Trên; UN/NA - Liên Hiệp Quốc /Bắc Mỹ; US - Hoa Kỳ; VLE - Giá Trị Giới Hạn Tiếp Xúc (Mexico); WHMIS - Hệ Thống Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm Tại Nơi Làm Việc (Canada).

Thông tin khác

Tuyên bố miễn trách:

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn. Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ khước tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.